

Số: 326/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 10 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 286/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Minh T, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 08B/16 đường Duy T, phường An C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Nguyễn L, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 205/04/13 đường Bà T, phường Xuân P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Minh T và anh Nguyễn L.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Minh T và anh Nguyễn L.
 - 2.2. Về con chung: Chị Phan Thị Minh T và anh Nguyễn L công nhận vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - 2.3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị Minh T và anh Nguyễn L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - 2.4. Về nợ chung: Chị Phan Thị Minh T và anh Nguyễn L công nhận không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Minh T và anh Nguyễn L mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; chị Phan Thị Minh T và anh Nguyễn L thỏa thuận chị Phan Thị Minh T chịu toàn bộ án phí là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Phan Thị Minh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009938 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Hoàn trả lại cho chị Phan Thị Minh T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSNDTP Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường Xuân P, thành phố H (Chị T, anh L ĐKKH số 71, ngày 25/9/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu bản án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn